TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-11-2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;

2. Bà Phạm Thị Như Súy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hiền N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Chung cư CT NCM, phường HTĐ, quận CL, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn HMT, xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 20/11/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến ngày 25/02/2019, chị làm đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Nhưng sau đó, chị thấy anh T sống với chị mang tính nghĩa vụ, ép buộc; anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lê Minh T, sinh ngày 21/7/2014 và Lê Anh T, sinh ngày 13/02/2013. Hiện nay, hai con còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng (mỗi cháu 1.250.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh T; về con chung: Giao các cháu T, T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng (mỗi cháu 1.250.000 đồng/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T cư trú tại thôn HMT, xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị N yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về *"Ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại

phiên tòa, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 20/11/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã làm đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Sau đó, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3]. Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh T không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Việc yêu cầu nuôi hai con của chị N là tự nguyện, chị N có nơi cư trú và công việc với thu nhập ổn định, hiện nay các con chung còn nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao các cháu T, T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Theo biên bản xác minh ngày 23/8/2019 tại UBND xã Quế Xuân 2 thì hiện nay, anh T đang làm việc tại thành phố Đà Nẵng. Như vậy, anh T có khả năng lao động và có công việc làm ổn định. Mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.500.000 đồng (mỗi cháu 1.250.000 đồng/tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5,

điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hiền N về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Hiền N và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Minh T, sinh ngày 21/7/2014 và Lê Anh T, sinh ngày 13/02/2013 cho chị Trương Thị Hiền N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.500.000 đồng (mỗi cháu 1.250.000 đồng/tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Hiền N phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007088 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-11-2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ